

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/DS-ST
Ngày 16 – 5 – 2024.
*V/v tranh chấp chia tài sản chung
và tranh chấp về thừa kế tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lộc;
- Ông Lê Tiến Dũng.

-Thư ký phiên tòa : Bà Phạm Hữu Xuân Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Mìn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 74/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022, về “Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản” , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 750/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1962; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh H, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1975; địa chỉ: Khu phố D, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C: Anh Huỳnh Thanh H1, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 13/11/2023) (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Chị Bùi Thị Thanh N, sinh năm: 1988; địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị
Bùi Thị Thanh N: Anh Trần Thanh H, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 04/12/2023) (Có mặt)

- Anh Bùi Thanh S, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh
Bùi Thanh S: Anh Đặng Văn T1, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 14/12/2022) (Có mặt)

- Chị Bùi Thị Cẩm U, sinh năm: 1994; địa chỉ: B T, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị
Bùi Thị Cẩm U: Anh Trần Thanh H, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 04/12/2023) (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1965; địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà
Nguyễn Thị Đ: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1962; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 15/11/2022) (Có mặt)

- Anh Đặng Văn T1, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; (Có mặt)

- Chị Thái Thị T2, sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 7 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vợ chồng cụ Trần Thị H2 và cụ Nguyễn C1 (còn gọi là Nguyễn T3) có 05 người con gồm: Bà Nguyễn Thị H3, chết năm 1971 (có 01 người con là Trần Thanh H); ông Nguyễn L, chết năm 1976 (có 01 người con là Nguyễn Thị C); bà Nguyễn Thị L1, chết năm 2005 (có 03 người con là Bùi Thị Thanh N, Bùi Thanh S, Bùi Thị Cẩm U); bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T. Năm 1972, cụ C1 chết và năm 2006 cụ H2 chết.

Khi còn sống cụ H2 có tạo lập khối tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.427m² (theo bản đồ 299); địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Ngày 25/11/1996, thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3 nói trên đã được UBND huyện P, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Trần Thị H2.

Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng thửa đất nói trên thì hộ cụ Trần Thị H2 có 02 nhân khẩu là cụ Trần Thị H2 và bà Nguyễn Thị T.

Hiện nay, trên thửa đất này có 01 ngôi nhà cũ của cụ H2 do bà T và vợ chồng anh Đặng Văn T1 đang quản lý, sử dụng; 01 nhà quán, 01 chuồng bò, 01

chuồng heo của vợ chồng anh T1. Các cây lâu năm trên đất của vợ chồng anh T1, chị T2 và dừa của cụ H2 chết để lại.

Năm 2006, cụ Trần Thị H2 chết không để lại di chúc. Năm 2021, gia đình bà T tiến hành mở thừa kế nhưng ông Trần Thanh H không đồng ý. Do đó, các bên xảy ra tranh chấp.

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Toà án giải quyết: Phân chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị T và cụ Trần Thị H2 là thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (bà T yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ thửa đất trong đó có 100m² đất ở); chia di sản của cụ Trần Thị H2 là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của cụ H2 bằng hiện vật và yêu cầu được nhận phần phía Bắc của thửa đất.

Đối với tài sản trên đất: 01 (Một) ngôi nhà, vật kiến trúc, cây lâu năm trên thửa đất nêu trên bà T không yêu cầu chia. Ngôi nhà hiện nay hư hỏng nghiêm trọng, nên bà T đồng ý tháo dỡ; đối với vật kiến trúc, cây lâu năm trên phần đất của ai được chia thì người đó được nhận.

- Tại tự bản khai ngày 07/11/2023, biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thanh H trình bày:

Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của cụ Trần Thị H2, anh Trần Thanh H thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị T. Trước khi chết cụ H2 không để lại di chúc.

Khi còn sống cụ H2 có tạo lập khối tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.427m² (theo bản đồ 299); địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Ngày 25/11/1996, thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3 nói trên đã được UBND huyện P, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị H2. Tại thời điểm cân đối cấp quyền sử dụng thửa đất nói trên thì hộ cụ Trần Thị H2 có 02 nhân khẩu là cụ Trần Thị H2 và bà Nguyễn Thị T.

Do đó, yêu cầu về chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị T là quyền sử dụng thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.427m² (theo bản đồ 299); địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định thì anh H không đồng ý, bởi vì: Thửa đất nêu trên có nguồn gốc từ ông bà ngoại của anh H chết để lại, trong đó có một phần công sức bảo quản của mẹ ruột anh H là bà Nguyễn Thị H3. Do đó, đề nghị Toà án xem xét nguồn gốc thửa đất để chia thửa đất nêu trên thành 03 phần: Giao cho bà T 01 phần; 02 phần còn lại chia thừa kế cho 04 người là bà Nguyễn Thị Đ; chị Nguyễn Thị C (con ruột ông Nguyễn L, chết năm 1976); anh Trần Thanh H (con ruột bà Nguyễn Thị H3, chết năm 1971) và 03 cháu Bùi Thị Thanh N, Bùi Thanh S, Bùi Thị Cẩm U (con của bà Nguyễn Thị L1, chết năm 2005).

Anh Trần Thanh H không yêu cầu định giá các tài sản gắn liền với thửa đất và ngôi nhà bà T đang quản lý, sử dụng. Anh H yêu cầu được nhận kỷ phần

thừa kế là quyền sử dụng đất. Nếu tài sản trên đất được chia cho ai thì người đó được quyền sở hữu tài sản trên đất.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Đ là em ruột của bà Nguyễn Thị T. Bà Đ thống nhất quan hệ huyết thống giữa cha, mẹ, con và anh, chị, em, các cháu như bà Nguyễn Thị T trình bày; thời điểm chết của cha mẹ; cụ H2 chết không để lại di chúc. Khi còn sống, cụ H2 có tạo lập được khối tài sản như bà T trình bày. Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất thì hộ cụ H2 có 02 người là cụ H2 và bà Nguyễn Thị T.

Bà Đ thống nhất yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị T. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật và bà Đ yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

- *Tại bản khai ngày 17/11/2023, anh Huỳnh Thanh H1 là người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C trình bày:*

Chị Nguyễn Thị C là cháu nội của cụ Trần Thị H2 và là con của ông Nguyễn Lương. Ông Nguyễn L có 01 người con duy nhất là chị Nguyễn Thị C. Ông Nguyễn Lương c năm 1976, khi chết ông L không để lại di chúc.

Đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị C thống nhất yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, cần xem xét nguồn gốc hình thành thửa đất để chia; nếu đủ điều kiện thì chị C yêu cầu nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất; nếu không đủ điều kiện chia bằng hiện vật thì chị C nhận giá trị di sản từ các thừa kế khác thôi lại.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh N trình bày:*

Chị Bùi Thị Thanh N là cháu ngoại của cụ Trần Thị H2, cháu ruột bà Nguyễn Thị T và là con của bà Nguyễn Thị L1. Bà Nguyễn Thị L1 có 03 người con là Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S và chị Bùi Thị Cẩm U. Bà Nguyễn Thị L1 chết năm 2005, khi chết bà L1 không để lại di chúc.

Chị N thống nhất quan hệ huyết thống gia đình phía ngoại như bà Nguyễn Thị T trình bày.

Chị N thống nhất yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị T. Chị N yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Cẩm U trình bày:*

Chị Bùi Thị Cẩm U là em ruột của chị Bùi Thị Thanh N, cháu ngoại của cụ Trần Thị H2, cháu ruột bà Nguyễn Thị T và là con của bà Nguyễn Thị L1. Bà Nguyễn Thị L1 có 03 người con là Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S và chị

Bùi Thị Cẩm U. Bà Nguyễn Thị L1 chết năm 2005, khi chết bà L1 không để lại di chúc.

Chị U thống nhất quan hệ huyết thống gia đình phía ngoại như bà Nguyễn Thị T trình bày.

Chị U thống nhất yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị T. Chị U yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2023, anh Đặng Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thanh S trình bày:

Anh Bùi Thanh S là em ruột của chị Bùi Thị Thanh N, là cháu ngoại của cụ Trần Thị H2, cháu ruột bà Nguyễn Thị T và là con của bà Nguyễn Thị L1. Bà Nguyễn Thị L1 có 03 người con là Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S và chị Bùi Thị Cẩm U. Bà Nguyễn Thị L1 chết năm 2005, khi chết bà L1 không để lại di chúc. Thống nhất quan hệ huyết thống gia đình phía ngoại như bà Nguyễn Thị T trình bày.

Thống nhất yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị T. Anh S yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn T1.

Anh Đặng Văn T1 là cháu ngoại của cụ Trần Thị H2. Năm 2009, vợ chồng anh T1, chị Thái Thị T2 đến sinh sống trên thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.427m² (theo bản đồ 299) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (sống chung với bà Nguyễn Thị T)

Quá trình sinh sống trên thửa đất, vợ chồng anh T1 đã đổ đất nâng khu vườn làm tăng giá trị thửa đất với tổng chi phí khoảng 100.000.000 đồng. Trên thửa đất này hiện nay, có một số cây dừa; 01 ngôi nhà quán; hàng rào lưới B40 là tài sản của vợ chồng anh T1.

Đối với tài sản trên đất là nhà quán, cây lâu năm: Anh T1 thống nhất tháo dỡ nhà quán để trả lại đất cho các thừa kế chia tài sản là quyền sử dụng đất. Đối với các cây dừa và các cây lâu năm khác của vợ chồng thì anh T1 không yêu cầu các đồng thừa kế thối lại giá trị tiền mà nếu sau này nằm trên phần đất được chia cho ai thì người đó được trọn quyền sở hữu

Đối với chi phí đổ đất nâng nền làm tăng giá trị khu vườn, anh T1 rút yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các đồng thừa kế thối lại giá trị.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị T2.

Chị Thái Thị T2 là vợ của anh Đặng Văn T1. Năm 2009, vợ chồng chị Thái Thị T2 đến sinh sống trên thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3, diện tích

2.427m² (theo bản đồ 299) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (sống chung với bà Nguyễn Thị T)

Quá trình sinh sống trên thửa đất, vợ chồng chị T2 đã đổ đất nâng khu vườn làm tăng giá trị thửa đất với tổng chi phí khoảng 100.000.000 đồng. Trên thửa đất này hiện nay, có một số cây dừa; 01 ngôi nhà quán; tường rào lưới B40 là tài sản của vợ chồng chị T2.

Đối với tài sản trên đất là nhà quán, cây lâu năm: Chị T2 thống nhất tháo dỡ nhà quán để trả lại đất cho các thừa kế chia tài sản là quyền sử dụng đất. Đối với các cây dừa và các cây lâu năm khác của vợ chồng thì chị T2 không yêu cầu các đồng thừa kế thối lại giá trị tiền mà nếu sau này nằm trên phần đất được chia cho ai thì người đó được quyền sở hữu.

Đối với chi phí đổ đất nâng nền làm tăng giá trị đất khu vườn, chị T2 rút yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các đồng thừa kế thối lại giá trị.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên; bà T xác định ngoài những người con đã trình bày ở trên thì cụ H2 không có con nuôi hoặc con riêng; bà T yêu cầu được hưởng thù lao của người quản lý di sản theo quy định của pháp luật; yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất phía Bắc thửa đất và sẽ thối lại giá trị kỷ phần thừa kế có giá trị cao hơn các kỷ phần thừa kế còn lại là 30%; thống nhất tháo dỡ ngôi nhà là di sản của cụ H2; các cây lâu năm trên phần đất được chia giao cho ai thì người đó trọn quyền sử dụng.

Bị đơn anh Trần Thanh H giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên; thống nhất việc bà T tháo dỡ ngôi nhà là di sản của cụ H2; thống nhất giao phần diện tích đất phía Bắc thửa đất cho bà T và bà T thối lại giá trị kỷ phần thừa kế có giá trị cao hơn các kỷ phần thừa kế còn lại là 30%; các cây lâu năm trên phần đất được chia giao cho ai thì người đó trọn quyền sử dụng; đối với kỷ phần thừa kế của con bà L1 gồm: chị N, anh S, chị U nếu đủ điều kiện nhận bằng hiện vật thì yêu cầu giao cho chị N được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất và chị N có trách nhiệm thối lại giá trị cho anh S, chị U. Không đồng ý cho bà T được hưởng thù lao của người quản lý di sản, vì trong thời gian bà T quản lý thửa đất đã trực tiếp canh tác và thu lợi từ thửa đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T1: Thống nhất tự nguyện tháo dỡ toàn bộ hàng rào lưới B40 xung quanh thửa đất, nhà quán, chuồng heo, chuồng bò là tài sản của vợ chồng anh T1 để trả lại đất cho bà T chia tài sản chung và chia thừa kế. Đối với cây lâu năm của vợ chồng anh T1 trồng trên thửa đất thì anh T1 đồng ý nếu nằm trên phần đất được chia giao cho ai thì người đó trọn quyền sử dụng, anh T1 không yêu cầu thối lại giá trị; đối với chi phí đổ đất nâng nền thửa đất thì anh T1 không yêu cầu các đồng thừa kế thối lại giá trị. Đối với kỷ phần thừa kế của anh S đồng ý với ý kiến của anh Trần Thanh H là nếu đủ điều kiện chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất thì chị N được quyền nhận và chị N sẽ thối lại giá trị cho anh S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T2: Thống nhất tự nguyện tháo dỡ toàn bộ hàng rào lưới B40 xung quanh thửa đất, nhà quán, chuồng heo, chuồng bò là tài sản của vợ chồng chị T2, anh T1 để trả lại đất cho bà T chia tài sản chung và chia thừa kế. Đối với cây lâu năm của vợ chồng chị T2, anh T1 trồng trên thửa đất thì chị T2 đồng ý nếu nằm trên phần đất được chia giao cho ai thì người đó trọn quyền sử dụng, chị T2 không yêu cầu bồi lại giá trị. Đối với chi phí đổ đất nâng nền thửa đất thì anh T1 không yêu cầu các đồng thừa kế bồi lại giá trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 BLDS, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

- Giao bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần A của thửa đất 433, tờ bản đồ 03 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, diện tích 1.031,0m² (trong đó 40m² đất ở), có tổng giá trị là 318.020.000 đồng. Bà T được nhận lại số tiền chênh lệch từ bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị C, chị Bùi Thị Thanh N, anh Trần Thanh H, với tổng số tiền là 127.508.000 đồng;

- Giao bà Nguyễn Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng phần B của thửa đất 433, tờ bản đồ 03 thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có diện tích 417,7m² (trong đó có 40m² đất ở), có tổng giá trị 183.094.000 đồng;

- Giao chị Bùi Thị Thanh N được quyền quản lý, sử dụng phần C thửa đất 433, tờ bản đồ số 03 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có diện tích 424,2m² (trong đó có 40m² đất ở), có tổng giá trị 184.524.000 đồng. Chị N có trách nhiệm bồi lại cho anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Cẩm U mỗi người số tiền 52.822.000 đồng;

- Giao chị Nguyễn Thị C được quyền quản lý, sử dụng phần D của thửa đất 433, tờ bản đồ số 03 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có diện tích 430,0m² (trong đó có 40m² đất ở), có tổng giá trị 185.800.000 đồng;

- Giao anh Trần Thanh H được quyền quản lý, sử dụng phần E của thửa đất 433, tờ bản đồ số 03 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có diện tích 530,7m² (trong đó có 40m² đất ở), có tổng giá trị 207.954.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm bồi lại giá trị chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền 24.628.000 đồng

- Buộc chị Bùi Thị Thanh N có trách nhiệm thối lại giá trị chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 26.058.000 đồng.

- Buộc chị Nguyễn Thị C có trách nhiệm thối lại giá trị chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền 27.334.000 đồng

- Buộc anh Trần Thanh H có trách nhiệm thối lại giá trị chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền 49.488.000 đồng

- Về án phí: căn cứ Điều 147 BLTTDS năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Đ, anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu 7.923.000 (*Bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

+ Buộc chị Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Cẩm U mỗi người phải chịu 2.641.000 (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

+Bà Nguyễn Thị T là người già, nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA-2021/00087788 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

-Về chi phí tố tụng: Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 12.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T đã tạm ứng trước.

+ Buộc bà T phải chịu 3.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền bà T đã tạm ứng trước, bà T đã thực hiện xong.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Đ, anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị C, chị Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Cẩm U mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.500.000 (*Một triệu năm trăm*) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa , ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện “Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản”. Người bị kiện cư trú tại huyện P, tỉnh Bình Định. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C là anh Huỳnh Thanh H1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Thanh H1.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự đều khai thống nhất cụ C1 chết năm 1972 và cụ H2 chết năm 2006. Cụ C1 và cụ H2 đều không để lại di chúc. Tại thời điểm cụ C1 chết thì tài sản là Quyền sử dụng đất chưa được kê khai, đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, thời điểm mở thừa kế của cụ H2 là năm 2006. Căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất cụ H2 còn trong thời hiệu.

[3] Về xác định nguồn gốc đất: Thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03, diện tích diện tích 2.427m² (theo bản đồ Vlap: Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 41, diện tích 2858,9m²); địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện P, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị H2 vào ngày 25/11/1996.

Các đương sự đều xác định thống nhất: Thửa đất nêu trên do vợ chồng cụ C1 và cụ H2 khai hoang. Năm 1972, cụ C1 chết, tại thời điểm cụ C1 chết thì thửa đất nêu trên chưa được kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất năm 1990 và tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho hộ cụ Trần Thị H2 vào ngày 25/11/1996 thì hộ cụ Trần Thị H2 có 02 nhân khẩu là cụ Trần Thị H2 và bà Nguyễn Thị T.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03, diện tích diện tích 2.427m² (theo bản đồ Vlap: Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 41, diện tích 2858,9m²); địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định là do cụ Trần Thị H2 tạo lập và cũng là khối tài sản chung của cụ H2 và bà Nguyễn Thị T.

[4] Xét về yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình:

Bà Nguyễn Thị T cho rằng tài sản chung giữa bà T và cụ H2 là toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên; anh Trần Thanh H cho rằng tài sản chung giữa bà T và cụ H2 là toàn bộ quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm khác của thửa đất nêu trên; 200m² đất ở nông thôn của thửa đất nêu trên là tài sản riêng của cụ H2.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C474756 ngày 25/11/1996 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định và lời khai của các đồng thừa kế, Hội đồng xét xử xác định: Hộ cụ Trần Thị H2 được cấp quyền sử dụng đất tổng cộng 3263m², trong đó có thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.427m² tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Theo bản đồ Vlap là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 41, diện tích 2858,9m² – chưa được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 27/3/2024 thì thửa đất nêu trên có diện tích 2833,6m². Trong đó: có 200m² đất ở; 2.633,6m² đất trồng cây hàng năm khác (có 463,4m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông).

Căn cứ các điều 116, 118 Bộ luật dân sự năm 1995; Luật đất đai năm 1993 và Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào sản xuất đất nông nghiệp cho hộ gia đình thì: Tài sản chung là quyền sử dụng đất của cụ H2 và bà T là quyền sử dụng 2.633,6m² đất trồng cây hàng năm khác. (trong đó có 463,4m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông) của thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Tại thời điểm cân đối giao quyền và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ của cụ H2 gồm có 02 nhân khẩu là cụ H2 và bà Trần Thị T4. Do vậy, bà T4 và cụ H2 mỗi người được nhận ½ diện tích đất trồng cây hàng năm khác của thửa đất nêu trên.

Như vậy, tài sản của bà Nguyễn Thị T là quyền sử dụng đất của thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định với diện tích 1.316,8m² đất trồng cây hàng năm khác (trong đó có 231,7m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông); tài sản của cụ Trần Thị H2 là quyền sử dụng đất của thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định với diện tích 1.516,8m² (trong đó: 200m² đất ở nông thôn và 1.316,8 m² đất trồng cây hàng năm khác (trong đó có 231,7m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông)).

Theo kết luận của Hội đồng định giá ngày 27/3/2024: Giá đất ở nông thôn theo giá thị trường là 2.500.000 đồng/m² và giá đất trồng cây hàng năm khác theo giá thị trường 220.000 đồng/m².

Như vậy, giá trị tài sản là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T trong khối tài sản chung giữa cụ H2 và bà T là 289.696.000 đồng và giá trị quyền sử dụng đất của cụ Trần Thị H2 trong khối tài sản chung là 789.696.000 đồng.

[5] Xét về yêu cầu chia thừa kế:

[5.1] Về việc xác định hàng thừa kế: Các đương sự đều khai thống nhất: Cụ Trần Thị H2 và cụ Nguyễn C1 (còn gọi là Nguyễn T3), có 05 người con gồm: Bà Nguyễn Thị H3, chết năm 1971 (có 01 người con là Trần Thanh H); ông Nguyễn L, chết năm 1976 (có 01 người con là Nguyễn Thị C); bà Nguyễn Thị L1, chết năm 2005 (có 03 người con là Bùi Thị Thanh N, Bùi Thanh S, Bùi Thị Cẩm U); bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T. Năm 1972, cụ C1 chết và năm 2006, cụ H2 chết.

Căn cứ các điều 651, 652 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định người thừa kế di sản của cụ H2 thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T; người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị H3 là anh Trần Thanh H (con ruột của bà Nguyễn Thị H3), người thừa kế thế vị của ông Nguyễn L là bà Nguyễn Thị C (con ruột của ông L); những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị L1 là chị Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S và chị Bùi Thị Cẩm U (con ruột của bà L1).

[5.2] Di sản của cụ Trần Thị H2 chết để lại là Quyền sử dụng đất (trong khối tài sản chung giữa cụ H2 và bà Nguyễn Thị T) của thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 789.696.000 đồng.

[5.3] Xét yêu cầu được hưởng thù lao của bà Nguyễn Thị T là người quản lý di sản thấy rằng: Năm 2006, cụ H2 chết bà T là người trực tiếp quản lý di sản của cụ H2. Mặc dù, các đồng thừa kế không có văn bản thoả thuận cử người quản lý di sản hay trích thù lao cho người quản lý di sản, nhưng xét yêu cầu của bà T phù hợp với quy định tại Điều 618 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu hưởng thù lao của bà T tương ứng với 1/3 kỷ phần thừa kế, tương ứng với số tiền 52.646.400 đồng.

[5.4] Xét về yêu cầu chia thừa kế của các bên đương sự thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đồng thừa kế của cụ H2 điều xác định thống nhất cụ H2 chết không để lại di chúc, nên di sản của cụ H2 được chia thừa kế theo pháp luật.

Bà T yêu cầu chia di sản của cụ H2 thành 05 phần bằng nhau, sau khi khấu trừ chi phí thù lao của người quản lý di sản. Anh Trần Thanh H thì cho rằng di sản của cụ H2 chia thành 04 phần, trong đó bà T không được nhận di sản của cụ H2, vì bà T sẽ nhận 1/3 tài sản trong khối tài sản chung giữa bà T và cụ H2.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đồng thừa kế của cụ H2 điều xác định các đồng thừa kế của cụ H2 không có ai có hành vi lừa dối, cưỡng ép, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của cụ H2 theo quy định tại Điều 621 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, yêu cầu của bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 609, 610, 613, 651 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[5.3.1] Xét về chia thừa kế bằng giá trị:

Di sản của cụ H2 sau khi trừ chi phí thù lao cho người quản lý di sản còn lại 737.050.000 đồng (789.696.000 đồng - 52.646.000 đồng) được chia cho 05 đồng thừa kế của cụ H2 gồm: Bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Thanh H (thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị H3); chị Nguyễn Thị C (thừa kế thế vị của ông Nguyễn L); chị Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S và chị Bùi Thị Cẩm U (thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị L1) mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được nhận kỷ phần thừa kế tương ứng với giá trị 147.410.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đồng thừa kế thống nhất, giao cho bà T được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất tại vị trí phía Bắc của thửa đất và bà T phải chia giao cho các thừa kế còn lại giá trị tăng thêm là 30% của 01 kỷ phần thừa kế, tương ứng với số tiền 44.223.000 đồng (mỗi đồng thừa kế còn lại được nhận thêm số tiền 11.056.000 đồng). Xét việc thoả thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với đạo đức, xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Như vậy, giá trị di sản bà Nguyễn Thị T được nhận là 103.187.000 đồng (147.410.000 đồng - 44.223.000 đồng). Giá trị di sản của bà Nguyễn Thị Đ, anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị C được nhận 158.466.000 đồng (147.410.000 đồng + 11.056.000 đồng). Giá trị di sản của chị Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S và chị Bùi Thị Cẩm U được nhận 158.466.000 đồng (147.410.000 đồng + 11.056.000 đồng)

[5.3.2] Về chia bằng hiện vật: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Đ, anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị C và chị Bùi Thị Thanh N đều yêu cầu nhận hiện vật. Xét yêu cầu của các bên đương sự hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự và Quyết định số: 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số: 16/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh B quy định diện tích tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Định, nên được chấp nhận. Do vậy, ai nhận tài sản bằng hiện vật có giá trị cao hơn thì có nghĩa vụ thối lại cho người nhận bằng hiện vật có giá trị thấp hơn. Cụ thể như sau:

[5.3.2.1] Chia giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.031m² (trong đó: 40m² đất ở nông thôn và 991m² đất trồng cây hàng năm khác (có 171,1m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông)), có giá trị 318.020.000 đồng. (gọi tắt: Phần A)

[5.3.2.2] Chia giao cho bà Nguyễn Thị Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 417,7m² (trong đó: 40m² đất ở nông thôn và 377,7m² đất trồng cây hàng năm khác (có 74,5m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông)), có giá trị 183.094.000 đồng. (gọi tắt: Phần B)

[5.3.2.3] Chia giao cho chị Bùi Thị Thanh N được quyền sử dụng phần đất có diện tích 424,2m² (trong đó: 40m² đất ở nông thôn và 384,2m² đất trồng cây hàng năm khác (có 73,1m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông)), có giá trị 184.524.000 đồng. (gọi tắt: Phần C)

[5.3.2.4] Chia giao cho chị Nguyễn Thị C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 430m² (trong đó: 40m² đất ở nông thôn và 390m² đất trồng cây hàng năm khác (có 72,9m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông)), có giá trị 185.800.000 đồng. (gọi tắt: Phần D)

[5.3.2.5] Chia giao cho anh Trần Thanh H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 530,7m² (trong đó: 40m² đất ở nông thôn và 490,7m² đất trồng cây hàng năm khác (có 71,8m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông)), có giá trị 207.954.000 đồng. (gọi tắt: Phần E)

[5.3.3] Về trách nhiệm thối lại giá trị chênh lệch và giá trị kỷ phần thừa kế:

[5.3.3.1] Chị Bùi Thị Thanh N có nghĩa vụ thối lại giá trị di sản thừa kế cho anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Cẩm U mỗi người số tiền là 52.822.000 đồng.

[5.3.3.2] Bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ thối lại giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 24.628.000 đồng; chị Bùi Thị Thanh N có nghĩa

vụ thối lại giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 26.058.000 đồng; chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ thối lại giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 27.334.000 đồng; anh Trần Thanh H có nghĩa vụ thối lại giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 49.488.000 đồng.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T, anh Đặng Văn T1, chị Thái Thị T2 về việc tự nguyện tháo dỡ toàn bộ các tài sản trên thửa đất (hàng rào lưới B40 xung quanh thửa đất, nhà quán, chuồng bò, chuồng heo, nhà ở) để trả lại mặt bằng thửa đất.

[7] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T, anh Trần Thanh H, anh Đặng Văn T1, chị Thái Thị T2 về việc các cây lâu năm trên phần đất được chia của ai thì người đó được trọn quyền sở hữu và sử dụng.

[8] Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đặng Văn T1 và chị Thái Thị T2 về việc không yêu cầu xem xét thối lại chi phí đổ đất nâng mặt bằng thửa đất nêu trên.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ, anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị C, anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Thanh N, chị Bùi Thị Cẩm U mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với kỷ phần thừa kế được nhận theo quy định của pháp luật; bà Nguyễn Thị T là người già, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí do đạt, xem xét thẩm định và định giá tài sản có tranh chấp với tổng số tiền 12.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 3.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Đ, anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị C, anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Thanh N, chị Bùi Thị Cẩm U mỗi người phải chịu số tiền 1.500.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng trước, nên bà Nguyễn Thị Đ, anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị C, anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Thanh N, chị Bùi Thị Cẩm U mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.500.000 đồng.

[11] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Về đề nghị hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Luật Đất đai năm 1993; các điều 116, 118 Bộ luật Dân sự năm 1995; các điều 638, 681 Bộ luật Dân sự 2005; các điều 611, 612, 613, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự. Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

2. Xác định và chia tài sản chung.

2.1. Xác định quyền sử dụng 2.633,6m² đất trồng cây hàng năm khác (trong đó có 471,5m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông) của thửa đất số 433, tờ bản đồ 03 (bản đồ Vlap là thửa số 97, tờ bản đồ 41) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 579.392.000 đồng là tài sản chung của cụ Trần Thị H2 và bà Nguyễn Thị T.

2.2. Xác định quyền sử dụng 200m² đất ở nông thôn của thửa đất số 433, tờ bản đồ 03 (bản đồ Vlap là thửa số 97, tờ bản đồ 41) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 500.000.000 đồng là tài sản của cụ Trần Thị H2.

2.3. Về xác nhận tài sản riêng trong khối tài sản chung.

2.3.1. Xác nhận bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 1.316,8m² đất trồng cây hàng năm khác (trong đó có 235,75m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông) của thửa đất số 433, tờ bản đồ 03 (bản đồ Vlap là thửa số 97, tờ bản đồ 41) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 289.696.000 (*Hai trăm tám mươi chín triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn*) đồng;

2.3.2. Xác nhận di sản của cụ Trần Thị H2 là quyền sử dụng 1.516,8m² đất (trong đó: 200m² đất ở nông thôn và 1316,8 m² đất trồng cây hàng năm khác (235,75m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông)) của thửa đất số 433, tờ bản đồ 03 (bản đồ Vlap là thửa số 97, tờ bản đồ 41) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 789.696.000 (*Bảy trăm tám mươi chín triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn*) đồng

3. Xác nhận người thừa kế, di sản thừa kế và chia thừa kế:

3.1. Xác nhận người thừa kế theo pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của cụ H2 gồm: Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Đ.

3.2. Xác nhận người thừa kế thế vị gồm: Anh Trần Thanh H là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị H3; chị Nguyễn Thị C là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn L; chị Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Cẩm U là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị L1.

3.3. Xác nhận di sản thừa kế của cụ H2 chia theo pháp luật là quyền sử dụng 1.516,8m² đất (trong đó: 200m² đất ở nông thôn và 1316,8 m² đất trồng cây hàng năm khác (có 235,75m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông)) của thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.427m² (theo bản đồ Vlap là thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 2.858,9m²); địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 789.696.000 đồng.

3.4. Xác nhận thù lao tôn tạo, duy trì, quản lý di sản cho bà Nguyễn Thị T là 52.646.000 (*Năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn*) đồng.

3.5. Xác nhận di sản thừa kế bằng giá trị:

3.5.1. Xác nhận bà Nguyễn Thị T được hưởng kỷ phần thừa kế tương ứng số tiền 103.187.000 (*Một trăm không ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng;

3.5.2. Xác nhận bà Nguyễn Thị Đ, anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị C mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế tương ứng số tiền là 158.466.000 (*Một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng;

3.5.3. Xác nhận chị Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Cẩm U cùng được hưởng kỷ phần thừa kế tương ứng số tiền là 158.466.000 đồng. (chị N, anh S, chị U mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế tương ứng số tiền là 52.822.000 đồng).

4. Chia tài sản chung và di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng của thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03 (theo bản đồ Vlap là thửa đất số 97, tờ bản đồ 41, diện tích 2.858,9m²); địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, diện tích đo đạc thực tế là 2.833,6m² (trong đó: 200m² đất ở nông thôn và 2633,6m² đất trồng cây hàng năm khác (có 463,4m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông, cụ thể như sau:

4.1. Chia giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.031m² (trong đó: 40m² đất ở nông thôn và 991m² đất trồng cây hàng năm khác (có 171,1m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông) của thửa số 433, tờ bản đồ số 03 (theo bản đồ Vlap: thửa đất số 97, tờ bản đồ số 41) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 318.020.000 (*Ba trăm mười tám triệu không trăm hai mươi nghìn*) đồng; có giới cận: Phía Đông giáp đường ĐT 639; phía Tây giáp đường đi; phía Nam giáp phần đất còn lại; phía Bắc giáp đường đi. (gọi tắt: Phần A);

4.2. Chia giao cho bà Nguyễn Thị Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 417,7m² (trong đó: 40m² đất ở nông thôn và 377,7m² đất trồng cây hàng năm khác (có 74,5m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông) của thửa số thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03 (theo bản đồ Vlap: thửa đất số 97, tờ bản đồ số 41) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 183.094.000 (*Một trăm tám mươi ba triệu không trăm chín mươi bốn nghìn*) đồng; có giới cận: Phía Đông giáp đường ĐT 639; phía Tây giáp đường đi; phía Nam giáp phần đất còn lại; phía Bắc giáp phần đất được chia cho bà T. (gọi tắt: Phần B)

4.3. Chia giao cho chị Bùi Thị Thanh N được quyền sử dụng phần đất có diện tích 424,2m² (trong đó: 40m² đất ở nông thôn và 384,2m² đất trồng cây hàng năm khác (có 73,1m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông) của thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03 (theo bản đồ Vlap: thửa đất số 97, tờ bản đồ số 41) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 184.524.000 (*Một trăm tám mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng; có giới cận: Phía Đông giáp đường ĐT 639; phía Tây giáp đường đi; phía Nam giáp phần đất còn lại; phía Bắc giáp phần đất được chia cho bà Đ. (gọi tắt: Phần C)

4.4. Chia giao cho chị Nguyễn Thị C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 430m² (trong đó: 40m² đất ở nông thôn và 390m² đất trồng cây hàng năm khác (có 72,9m² đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông) của thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3 (theo bản đồ Vlap: thửa đất số 97, tờ bản đồ số 41) tại thôn C, xã M, huyện P, Bình Định, có giá trị 185.800.000 (*Một trăm tám mươi lăm triệu tám trăm nghìn*) đồng; có giới cận cụ thể: Phía Đông giáp đường ĐT

639; phía Tây giáp đường đi; phía Nam giáp phần đất còn lại; phía Bắc giáp phần đất được chia cho chị N. (gọi tắt: Phần D)

4.5. Chia giao cho anh Trần Thanh H được quyền sử dụng phần đất có diện tích $530,7m^2$ (trong đó: $40m^2$ đất ở nông thôn và $490,7m^2$ đất trồng cây hàng năm khác (có $71,8m^2$ đất trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông) của thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03 (theo bản đồ Vlap: thửa đất số 97, tờ bản đồ số 41) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 207.954.000 (Hai trăm không bảy triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn) đồng; có giới cận: Phía Đông giáp đường ĐT 639; phía Tây giáp đường đi; phía Nam giáp các thửa đất 101, 109; phía Bắc giáp phần đất được chia cho chị C. (gọi tắt: Phần E)

(Toàn bộ phần diện tích đất được chia tại các mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5 theo trích đo địa chính khu đất lập ngày 27/3/2024 của Công ty Cổ phần T5)

5. Về thanh toán giá trị:

5.1. Buộc chị Bùi Thị Thanh N có nghĩa vụ thanh toán giá trị di sản cho anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Cẩm U mỗi người với số tiền 52.822.000 (Năm mươi hai triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) đồng;

5.2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền 24.628.000 (Hai mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn) đồng;

5.3. Buộc anh Trần Thanh H có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền 49.488.000 (Bốn mươi chín triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn) đồng;

5.4. Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền 27.334.000 (Hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn) đồng;

5.5. Buộc chị Bùi Thị Thanh N có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T số tiền 26.058.000 (Hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đặng Văn T1 và chị Thái Thị T2 về việc không yêu cầu xem xét thối lại chi phí đổ đất nâng mặt bằng của thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03 (theo bản đồ Vlap: thửa đất số 97, tờ bản đồ số 41) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T, anh Đặng Văn T1, chị Thái Thị T2 về việc tự nguyện tháo dỡ toàn bộ các tài sản trên thửa đất (gồm hàng rào lưới B40 xung quanh thửa đất, nhà quán, chuồng bò, chuồng heo, nhà ở) để trả lại mặt bằng thửa đất.

8. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T, anh Trần Thanh H, anh Đặng Văn T1, chị Thái Thị T2 về việc các cây lâu năm trên phần đất được chia cho ai thì người đó được trọn quyền sở hữu và sử dụng.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

9.1. Bà Nguyễn Thị T là người già, nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T đã nộp

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA-2021/00087788 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

9.2. Bà Nguyễn Thị Đ, anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu 7.923.000 (*Bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

9.3. Chị Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Cẩm U mỗi người phải chịu 2.641.000 (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

10. Về chi phí tố tụng: Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 12.000.000 đồng bà Nguyễn Thị T đã tạm ứng trước.

10.1. Buộc bà T phải chịu 3.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền bà T đã tạm ứng trước, bà T đã thực hiện xong.

10.2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ, anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị C, chị Bùi Thị Thanh N, anh Bùi Thanh S, chị Bùi Thị Cẩm U mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.500.000 (*Một triệu năm trăm*) đồng.

11. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

11.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

11.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

12. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND H. Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- THADS H. Phù Mỹ;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Tùng